

Bản án số: 130/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21-02-2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Thành Trung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Minh Đang

2. Bà Nguyễn Thanh Vân

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Ngọc Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn An Lập – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 616/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2018 về “tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thụy Hồng N, sinh năm 1989

Địa chỉ: Đường K, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Đường M, Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Đương sự vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hồng T, sinh năm 1988

Địa chỉ: Đường P, Phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Hiện đang chấp hành án ở Phân trại A, Trại giam B tại Huyện C, tỉnh T.

(Đương sự vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/5/2018, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Bà Phạm Thụy Hồng N và ông Nguyễn Hồng T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 26/10/2009 tại Ủy ban nhân dân Phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn, ông T không chí thú làm việc, không quan tâm chăm sóc gia đình nên mâu thuẫn giữa vợ chồng phát sinh. Bà N đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông T vẫn không thay đổi. Năm 2014, ông T bị kết án 8 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy và đang chấp hành án ở Phân trại A, trại giam B tại Huyện T, Tỉnh T.

Nay, bà N nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Hồng T.

Về con chung: Bà Phạm Thụy Hồng N xác định vợ chồng có 01 (một) con chung tên Nguyễn Hồng T, sinh ngày 26/9/2013. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thụy Hồng N xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà N có đơn yêu cầu được vắng mặt trong các lần triệu tập của Tòa án, ngay cả khi xét xử.

Theo bản tự khai ghi ngày 22/11/2018, bị đơn ông Nguyễn Hồng T trình bày: Ông đồng ý ly hôn với bà Phạm Thụy Hồng N; Ông xác định có 01 (một) con chung tên Nguyễn Hồng T, sinh năm 2013 và đồng ý giao trẻ T cho bà Phạm Thụy Hồng N nuôi dưỡng; Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Ngoài ra, ông T yêu cầu được vắng mặt khi xét xử.

Tại phiên tòa, do các đương sự vắng mặt, Chủ tọa phiên tòa công bố tài liệu chứng cứ, lời khai của các đương sự trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự đã chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Phạm Thụy Hồng N có đơn đề nghị vắng mặt trong các lần triệu tập của Tòa án và khi xét xử; Bị đơn ông Nguyễn Hồng T hiện đang chấp hành án ở Phân trại A, trại giam B tại Huyện T, Tỉnh T và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại các Điều 207, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ

án không tiến hành hòa giải được, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn khởi kiện của bà Phạm Thụy Hồng N, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Căn cứ quy định tại các Điều 28, 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, bà N có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án thụ lý giải quyết tranh chấp về ly hôn và nuôi con theo yêu cầu của một bên.

Do ông Nguyễn Hồng T là bị đơn và có nơi cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- Về hôn nhân: Bà Phạm Thụy Hồng N, sinh năm 1989 và ông Nguyễn Hồng T, sinh năm 1988 tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn vào ngày 26/10/2009 tại Ủy ban nhân dân Phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 96 ngày 26/10/2009).

Căn cứ quy định tại các Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông T thiếu tình nghĩa vợ chồng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, ông T đang chấp hành án ở Phân trại A, trại giam B tại Huyện T, Tỉnh T và tại bản tự khai ngày 22/11/2018, ông T đồng ý ly hôn với bà Phạm Thụy Hồng N.

Căn cứ các Điều 19, 51 và 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, yêu cầu của bà N được ly hôn với ông Nguyễn Hồng T là có cơ sở để chấp nhận

- Về nuôi con chung: Bà Phạm Thụy Hồng N và ông Nguyễn Hồng T xác định vợ chồng có 01 (một) con chung tên Nguyễn Hồng T, sinh ngày 26/9/2013 (Giấy khai sinh số 243, Quyển số 1, ngày 21/11/2013 tại Ủy ban nhân dân Phường 1, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh), hiện đang sống chung với bà N. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Thêm vào đó, ông T đang chấp hành án ở Phân trại A, trại giam B tại Huyện T, Tỉnh T và tại bản tự khai ngày 22/11/2018, ông T đồng ý giao con chung cho bà N nuôi dưỡng.

Để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con chung, việc giao con chung cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và Gia đình, nên yêu cầu của bà N có căn cứ để chấp nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà N xác định vợ, chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông T có lời khai không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa, ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do đây là vụ án hôn nhân và gia đình, nguyên đơn yêu cầu giải quyết về ly hôn, quyền nuôi con và không cấp dưỡng. Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 207, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 8, Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thụy Hồng N.

- Về hôn nhân: Bà Phạm Thụy Hồng N ly hôn ông Nguyễn Hồng T (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 96 ngày 26/10/2009 tại Ủy ban nhân dân Phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hồng T, sinh ngày 26/9/2013 cho bà Phạm Thụy Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng. Không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của trẻ, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà N và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Phạm Thụy Hồng Nphải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0014837 ngày 11/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- UBND Phường 8, Quận 8;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thành Trung**